TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST. Ngày: 15 - 01 - 2024. V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Anh Đức.

Ông Huỳnh Văn Hiệp.

- Thư ký phiên toà: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 364/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị O, sinh năm 1990 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Lê Minh C, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp H, xã H1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Con chung từ đủ 07 tuổi trở lên:*

1/ Cháu Lê Trọng T, sinh ngày 16/6/2019 (vắng mặt).

2/ Cháu Trần Văn Ng, sinh ngày 19/9/2015 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp H, xã H1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23/6/2023 và đơn khởi kiện bổ sung ngày 02/11/2023, lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, chứng cứ có trong hồ sơ, nguyên đơn bà Trần Thị O trình bày: Bà Trần Thị O và ông Lê Minh C kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Sau khi kết hôn, quá trình chung sống giữa bà O và ông C có nhiều mâu thuẫn, không hạnh

phúc. Kể từ năm 2020 đến nay bà O và ông C không còn chung sống với nhau. Nay bà Trần Thị O yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Minh C.

- Về con chung: Bà Trần Thị O và ông Lê Minh C có hai người con chung tên Lê Trọng T, sinh ngày 16/6/2019 và Trần Văn Ng, sinh ngày 19/9/2015. Hiện nay hai người con chung đang sống cùng ông Lê Minh C. Khi ly hôn, bà Trần Thị O đồng ý giao cả hai người con chung cho ông Lê Minh C được quyền nuôi dưỡng đến trưởng thành. Bà O không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Lê Minh C: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho ông Lê Minh C theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng ông C không liên lạc với Tòa án, không gửi ý kiến bằng văn bản cho Toà án biết đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không đến tham gia phiên toà xét xử sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn ông Lê Minh C đã được tống đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông C vẫn vắng mặt không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

- Về nội Dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội; Áp dụng khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị O; Về con chung: Giao cho ông Lê Minh C được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai người con chung tên Lê Trọng T, sinh ngày 16/6/2019 và Trần Văn Ng, sinh ngày 19/9/2015 đến khi đủ 18 tuổi. Bà Trần Thị O được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở; Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét; Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, không đặt ra xem xét; Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không đặt ra xem xét; Về án phí sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Trần Thị O có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Lê Minh C đã được tống đạt các văn bản tố tụng theo trình tự thủ tục tố

tụng dân sự, vụ án được đưa ra xét xử đến lần thứ hai nhưng ông C vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt những người tham gia tố tụng nêu trên.

Về nội Dung:

[2] Bà Trần Thị O và ông Lê Minh C, đăng ký kết hôn vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H1, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 48 ngày 26/7/2019. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị O và ông Lê Minh C là hôn nhân hợp pháp. Khi thụ lý vụ án, Tòa án thông báo cho ông Lê Minh C về việc thụ lý vụ án theo thông báo số 132/TB-TLVA ngày 21/7/2023, nhưng ông C vẫn không liên hệ đến tòa án, không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà O. Nay bà O giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông C. Xét thấy, bà O và ông C không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng, nếu tiếp tục kéo dài hôn nhân sẽ không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân giữa bà Trần Thị O và ông Lê Minh C không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị O.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Trần Thị O và ông Lê Minh C có 02 người con chung tên Lê Trọng T, sinh ngày 16/6/2019 và Trần Văn Ng, sinh ngày 19/9/2015. Hiện nay hai người con chung đang sống cùng ông Lê Minh C. Xét thấy, từ khi bà O và ông C không còn chung sống với nhau đến nay thì hai người con sống với ông C đến nay. Khi ly hôn, bà O đồng ý giao cả hai người con cho ông C tiếp tục nuôi dưỡng đến trưởng thành. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cho ông Lê Minh C được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai người con chung tên Lê Trọng T, sinh ngày 16/6/2019 và Trần Văn Ng, sinh ngày 19/9/2015 cho đến khi hai người con đủ 18 tuổi. Bà Trần Thị O được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị O phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà O đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010224 ngày 30/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Như vậy, bà O đã thực hiện xong.

[6] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án và ý kiến về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 238; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273; Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự

năm 2015; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị O được quyền ly hôn với ông Lê Minh C.

- Về con chung: Giao cho ông Lê Minh C được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai người con chung tên Lê Trọng T, sinh ngày 16/6/2019 và Trần Văn Ng, sinh ngày 19/9/2015 cho đến khi hai người con đủ 18 tuổi.

Bà Trần Thị O được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

- Về án phí: Bà Trần Thị O phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà O đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010224 ngày 30/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M. Như vậy, bà O đã thực hiện xong.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- UBND xã H1;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THA dân sự huyện Mỹ Xuyên;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ái Mỹ